

# PHẬT GIÁO VÀ CON NGƯỜI NAM BỘ TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX

QUÁCH THANH TÂM<sup>(\*)</sup>

Nam Bộ, nơi mang nhiều nét đặc thù sâu đậm ảnh hưởng đến tâm linh và đời sống của người dân ở một vùng đất chưa bị kĩ nghệ hay đô thị hóa quá khích chi phối. Kể từ ngày sử ghi có người Việt đến cư ngụ làm ăn trên đất này đến nay mới được hơn 400 năm<sup>(1)</sup>. Ở một vùng còn nặng nét “đất mới” đó người dân nơi đây rất gần gũi với thiên nhiên, trầm mình trong trời đất bao la, gọi mình cho quý thân đồ dâng, trồng phật.

## I- NHỮNG NÉT ĐẶC THÙ CỦA MẢNH ĐẤT NAM BỘ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỜI SỐNG TÂM LINH CỦA CON NGƯỜI

Nam Bộ là một châu thổ mà ở nhiều nơi vẫn đang tiếp tục được bồi đắp. Châu thổ mênh mông (39952 km<sup>2</sup>), với độ cao trung bình từ 1 đến 3m tùy nơi, không làm mất cái cảm giác bằng phẳng của toàn vùng. Châu thổ còn có nhiều vùng trũng như vùng trũng giữa Châu Đốc và Hà Tiên, vào mùa nước lớn 5000 m<sup>3</sup>/giây đổ vào đây trước khi chảy ra vịnh Thái Lan. Những vùng đất trũng thấp hơn 1m rất thường gặp ở miền Tây bị ngập nước vào mùa mưa. Đồng bằng Cà Mau còn có nhiều chỗ nằm trong tình trạng bùn lầy<sup>(2)</sup>. Trên cái địa diện bằng phẳng đó, một hòn núi con, một gò đất khiêm nhường nổi lên luôn được coi là một nơi địa linh (núi Bà Đen ở Tây Ninh; Thất Sơn ở Châu Đốc, núi Châu Thới ở Biên

Hòa). Nhiều chùa cổ được dựng lên tại những nơi này. Sự tín ngưỡng và lòng sùng bái của người dân nơi đây vẫn còn mạnh.

Rừng ngập rậm rạp âm u, nhiều muỗi mòng, rắn độc và thú dữ, tuy ngày nay đã chế ngự được phần nào, nhưng âm hưởng huyền bí phảng phất và vẫn còn ít nhiều tác động đến trí tưởng tượng chung.

Hàng năm, mực nước sông Tiền và sông Hậu lên cao từ tháng 7 đến hết tháng 11, cao nhất vào các tháng 9 và 10. Tuy ngập lụt không đe dọa như ở châu thổ sông Hồng vì có nhiều nguồn thoát thủy<sup>(3)</sup>, nhưng cái cảnh trời nước bao la làm cho việc đi lại rất khó khăn trong mùa lũ cũng đã gieo ấn tượng cô liêu, nhỏ bé cho những ai sống trong những đêm yếu đèn mờ ảo với tiếng nước vỗ chập chờn dưới cọc nhà. Thân phận con người trong môi trường đó có khác gì “vách đổ với tường xiêu” (Mai Trục Thiên sư Viên Chiếu, 999-1090).

Nam Bộ vào những thế kỉ XVII-XVIII

\*. Nhà nghiên cứu, Giáo sư Khoa Tôn giáo, Đại học Paris V, Pháp. Bài viết do chính tác giả gửi BBT chúng tôi.

1. Theo: Sơn Nam. *Lịch sử khẩn hoang Miền Nam*. Saigon 1973, tr. 24

2. Theo: Lê Bá Thảo. *Thiên nhiên Việt Nam*, in lần thứ hai, Hà Nội, tr. 287-288.

3. Nước sông Cửu Long chảy ngược về Biển Hồ chờ ngày xuôi lại, hoặc nhờ sự phân lũ qua hệ thống kinh rạch chằng chịt.

là một vùng thưa dân đất trống so với châu thổ sông Hồng. Các điểm tụ cư rải rác trên các giong đất tương đối cao.

Bên cạnh người Khmer đã sinh sống tại đây và người Việt đến lập cư, còn có người Hoa di cư sang từ những năm cuối thế kỉ XVII. Họ là những phần tử không thân phục nhà Mãn Thanh, gồm nhiều hạng người: thương nhân, binh lính, nho sĩ, tu sĩ Phật giáo, họa sĩ, thầy lang, dưới sự hướng dẫn của Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch. Chúa Hiền Vương (Nguyễn Phúc Tần 1648 - 1687) đã cho phép họ vào định cư tại vùng Biên Hoà - Gia Định, lập Đại Phố Châu (Biên Hoà) phần thịnh và Mỹ Tho Đại Phố (1682 và 1683). Về phía Tây, Mạc Cửu đến lập nghiệp vào đầu thế kỉ XVII sau về thân phục Chúa Nguyễn và nhờ đấy mà miền biên ải Hà Tiên đã trở thành điểm tụ di dân người Hoa và giữ vai trò tiền địa trong việc khai quan mở cõi cùng bảo vệ biên cương. Là những thành phần sinh hoạt năng động, thêm được quy chế hành chính ưu đãi<sup>(4)</sup> trong quá khứ họ vừa là một sức mạnh dân số (5,5% dân số toàn Miền Nam vào thời điểm 1946-1986)<sup>(5)</sup>, vừa là một sức mạnh kinh tế, vừa là một lực lượng văn hóa đáng kể trong quá trình chinh phục miền đất mới này. Ảnh hưởng của người Hoa trong lĩnh vực tôn giáo là một yếu tố quan trọng. Các thiền sư theo luồng di dân vào Nam Bộ đa số là người Trung Hoa, như thiền sư Viên Quang trụ trì tại chùa Giác Lâm, một ngôi chùa cổ tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay và được xem là tổ đình của phái Lâm Tế, dòng đạo Bốn Ngươn. Tuy các chi phái được nhắc đến thường là Lâm Tế và Tào Động gốc từ Trung Quốc, nhưng Phật giáo Nam Bộ giao hòa nhiều ảnh

hưởng địa phương nên mang rất nhiều tính đặc thù dân tộc<sup>(6)</sup>.

“Nhiều ngôi chùa của người Hoa, có các vị tổ khai sơn là những thiền sư Trung Quốc, cũng đã có mặt tại vùng đất mới đồng thời với cuộc di dân của người Việt. Nhưng trong quá trình lịch sử, khá nhiều ngôi chùa này dần dần chuyển sang cho người Minh Hương hoặc trở thành chùa Việt như chùa Long Thiên (Đồng Nai); hoặc biến thể sang hướng khác, trở thành ngôi chùa Minh Sư sau này (đặc biệt là chùa ở Long An). Do đó, trước đầu thế kỉ XX, chùa Hoa thờ Phật là chính, ít được nhắc đến, chỉ phổ biến dạng miếu thờ thần, được dân gian quen gọi là chùa, một dạng tín ngưỡng dân gian của người Hoa...”<sup>(7)</sup>.

Trên bước đường di dân lập nghiệp trong môi trường hoang dã thiếu nhiều tiện nghi, Trời, Phật là niềm tin vô tận trước bao hiểm họa đói khát bệnh tật. Đối với những ai hằng ngày phải chạm mặt với muôn vàn thử thách thì Trời, Phật là đáng thiêng liêng, Trời và Phật là một, là ánh sáng đưa đường đến bình an, đến miền cực lạc. Phật Bà Quan âm là vị bồ tát rất gần gũi với quần chúng.

4. Xem thêm: Tsai Maw Kuey. *Les Chinois au Sud-Vietnam*, Paris 1968 và Nguyễn Thế Anh. *L'immigration Chinoise et la colonisation du Delta du Mékong*, in *The Vietnam review Autumn-Winter 1996* Hoàng Sanh Thông ed. Mekong Printing inc. CA pp. 154-177.

5. CF, E.S. Ungar. *The struggle over the Chinese Community in Vietnam, 1946-1986*, Pacific Affairs, 60, 4, (1987-88) cité dans Nguyễn Thế Anh op. cit, 156.

6. Xem thêm: Trần Hồng Liên. *Phật giáo Nam Bộ từ thế kỉ XVII đến 1975*, Tp. Hồ Chí Minh, 1996 và *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ-Việt Nam từ thế kỉ XVII đến 1975*, Nxb. KHXH, Tp. Hồ Chí Minh, 1995.

7. Trần Hồng Liên. *Phật giáo Nam Bộ từ thế kỉ XVII đến 1975*, tr. 14.

Cũng trong hoàn cảnh dân thừa nước đục, mà bệnh thời khí thường hoành hành gây chết chóc, nên truyền thống tin tưởng vào các hoạt Phật hiện ra để cứu độ chúng sinh rất thịnh ở nhiều nơi như vùng Láng Linh, miệt Rạch Giá. Sự tin vào các vị đạo Lành dùng nước chữa bệnh, không học mà lâu thông kinh sách, biến hóa thân thông, tái sinh độ thế, nếu có phản ánh ít nhiều Đạo giáo tu tiên trường sinh bất tử, thì cũng nói lên nhu cầu tâm linh của quần chúng, cần dựa vào một mãnh lực siêu nhiên bất phân giai cấp từ bi vô lượng để có thể giữ vững can đảm mà chống lại với môi trường khắc khổ.

Ở châu thổ điểm tụ cư cũng hiếm hoi. Quần cư thường là ở những doi đất hoặc ở những ngã ba sông. Sinh hoạt trao đổi do đó thường cũng được phát triển cùng với nông nghiệp. Tín ngưỡng dân gian dựa vào thần tài, thần linh phù hộ họ đi về yên ổn, làm ăn phát đạt không đối kháng với tín ngưỡng Phật giáo. Trái lại khi làm ăn phát đạt, họ còn đền đáp lại bằng cách xây chùa đặt tượng tri ân Phật, Trời.

Nam Bộ đã là một thuộc địa gần một thế kỉ (1862-1945). Nơi đây diễn ra sự va chạm với nền văn minh Tây Âu. Nhưng sự va chạm này đã không làm mất cá tính dân tộc, mặc dù cũng có lúc nhiều người đã chạy theo phong trào Âu hóa, xem văn minh truyền thống nặng ảnh hưởng Trung Hoa là hủ lậu. Một trong những phong trào kháng Pháp và chấn hưng truyền thống dân tộc được thể hiện qua phong trào Chấn hưng Phật giáo. Rất nhiều sách báo và nghiên cứu giáo lí cũng như những phong trào khuyến thiện ra đời. Sự sôi nổi của các hoạt động chấn hưng, nhất là sau 1920 đã nói lên tiềm

lực mạnh mẽ của nhu cầu tâm linh và lòng tin vào đấng Phật Nhất Như Tụ Tại của quần chúng. Ngoài các tổ chức, các hội Phật học, các giáo phái ra đời, còn có rất nhiều phật tử tu tại gia. Các cư sĩ danh tiếng như Đoàn Trung Cờn, Mai Thọ Truyền đã đóng góp rất nhiều cho phong trào. Đạo Phật trong giai đoạn kháng Pháp ở nửa đầu thế kỉ XX hoặc thâm lặng hoặc phát lộ đã đi rất gần với quần chúng, hoà chung với lòng yêu nước, cứu nước của dân tộc. Tu không những là tìm hạnh phúc cho cá nhân mà còn cầu cho chiến sĩ thành công, cho hòa bình sớm về với đất nước. Tu cũng không phải là đến chùa đúng giờ, đúng lúc, mà ở bất cứ nơi nào, miễn là tâm thành, thì được Phật chứng. Tu thiền, tu Tịnh rất được ngưỡng mộ. Thiền Tịnh song tu rất quen thuộc với những ai tìm đường học đạo thuở bấy giờ:

“Phật tức tâm Phật tại nơi lòng

Tâm tức Phật lòng thành có Phật”

Hai câu thơ này hầu như đã nói lên một sự hiển nhiên, vì nó được cảm thức như một dư âm của tiếng nói tâm hồn Việt vọng lại từ xa xưa qua các lời nói, câu thơ của các bậc tiền bối<sup>(8)</sup>: “Trong Núi không có Phật, Phật chỉ có trong tâm”. Đó là câu trả lời Trần Thái Tông của Quốc sư Viên Chứng, khi vua muốn lên núi Yên Tử để tìm Phật. Hoặc những câu sau đây của Trần Thái Tông (1225-1258) trong bài *Cư trần lạc đạo*:

“Bụt ở công nhà,

Chẳng phải tìm xa,

Nhân khuấy bốn, nên ta tìm Bụt

Đến cốc hay chĩnh Bụt là ta”

8. Xem thêm: *Thiền học đời Trần*. Viện Nghiên cứu Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh, 1995. Nhiều tác giả.

Hoặc qua lời thơ của Nguyễn Trãi trong *Quốc Âm thi tập*: “Bụt ấy là lòng, bụt há cầu”

## II- TIỀM LỰC PHÁT TRIỂN

Phật giáo phủ trùm thế giới tâm linh của đa số người dân Nam Việt và tiềm ẩn trong đường hướng sinh hoạt đối xử xã giao. Những thuật ngữ nhà Phật hầu như gắn liền với sự việc hằng ngày cũng như ở những lúc hệ trọng trong cuộc đời của từng cá nhân. Ngôi chùa là nơi gột rửa tội lỗi, là nơi che chở người lâm nạn. Thuý Kiều, Nguyệt Nga đã từng nương cửa Phật. Bốn chữ “sống gửi thác về” hàm chứa bao nhiêu là êm ái là âu yếm cho những ai đang khắc khoải rời bỏ cõi đời đầy cát bụi này. “Tiêu diêu nơi cực lạc” dù cho xa xôi, dù cho huyền ảo đến đâu cũng là ánh sáng dẫn đường để vượt bao gian khổ của xã hội loài người, nhất là ở những nơi còn kém mở mang hay còn bị bóc lột.

Phật giáo chan hoà trong tâm tư của mỗi người Việt qua những câu hát giọng hò, qua những huấn dụ đậm đà tình thương nhân loại:

“Thương người như thể thương thân  
 Người ta phải bước khó khăn, đến nhà  
 Đồng tiền bát gạo mang ra  
 Rằng: “Đây cần kiệm gọi là làm duyên”  
 May ta ở chốn bình yên,  
 Còn người tàn phá chẳng nên cầm lòng  
 Tiếng rằng “ngày đói tháng đông”,  
 Thương người, bớt miệng bớt lòng mà  
 cho,  
 Miếng khi đói, gói khi no  
 Của tuy tơ tóc, nghĩa so nghìn trùng  
 Của là muôn sự của chung:

Sinh không, thác lại tay không, có gì”<sup>(9)</sup>.

Phật giáo còn làm gần gũi con người với nhau dù trong bể khổ, hay cùng giải thoát ngoài vòng sinh diệt. Thế thì còn lạ gì khi những người di dân vào Nam trên đất khách lại thấy ấm lòng khi cùng chung niệm “Nam mô”.

Thân phận con người rồi “ai cũng như ai” đã được diễn tả qua bao lời văn thấm thiết của Nguyễn Du trong *Văn Chiêu hồn*:

“Ai tới đó dưới trên ngôi lại  
 Lấy chút lòng chớ ngại bao nhiêu  
 Phép thiêng biến ít ra nhiều  
 Trên nhờ Tôn giả chia đều chúng sinh  
 Phật hữu tình từ bi tế độ  
 Chớ nhại rằng có có không không”<sup>(10)</sup>.

Hoặc qua những câu dịch bài ngụ ngôn “Quý vô thường và tiêu phu” của Jean de La Fontaine:

“... Tuy đã biết trần ai cay đắng  
 Nhưng khuyên đừng thở vắn than dài  
 Rồi đây rồi cũng có ngày  
 Nợ nần trăm mối rảnh tay cho mà  
 Hơi nào tha thiết thiết tha  
 Ở trong bể khổ có ta có mình”<sup>(11)</sup>.

Qua những nhận xét trên ta có thể nói là “người Việt còn, nước Việt còn thì còn người theo đạo Phật”.

9. Nguyễn Trãi. *Gia Huấn ca*, câu 313-323.

10. Nguyễn Du. *Văn chiêu hồn*, câu 177-182. Xem thêm: Quách Thanh Tâm. *Văn Chiêu hồn ou la compassion transcendée...* trong: Notes sur la culture et la religion en Péninsule Indochinoise, L'Harmattan 1995.

11. Jean de La Fontaine. *La Mort et le bucheron*. Bản dịch của Lê Đức Mậu(?), 1934. Đây là lời thuộc lòng, nên không bảo đảm là đúng hẳn.

Tuy nhiên, Phật giáo Nam Việt uyển chuyển khế lí khế cơ. Là đất của lưu dân, lại là đất đã từng bị ngoại thuộc, Nam Bộ là nơi đã nuôi dưỡng tinh thần dân tộc ôm ấp tận trong đáy lòng vì sách vở buổi đầu khó có. Nam Bộ còn là nơi mà Trời, Phật rất gần gũi, thân thương hoà trong thiên nhiên vô tận. Đây cũng là nơi các Phật Bà rất được tôn sùng (tại núi Bà Đen hay Bà Đênh ở Tây Ninh thờ Linh Sơn Thánh Mẫu; ở làng Vĩnh Tế, Châu Đốc, thờ Bà Chúa Xứ, nhưng tại đây không rõ là nhân dân có tôn là Phật Bà như ở Tây Ninh không?).

Trong quá trình đấu tranh giành độc lập, Phật tử tu tại gia đã tìm trong niềm tin của mình, tùy trình độ kiến thức (cư sĩ lão thành, thường dân tay lấm chân bùn quê mùa mộc mạc...), một động lực để vững tin vào tương lai và một sự ấm lòng trong vị tha lai láng. Tu còn là không quên cội nguồn dù theo nghĩa hẹp là không quên tinh thần dân tộc, quê cha đất tổ hay theo nghĩa rộng là trở về với Phật tính vĩnh hằng.

Và giờ đây trong bộn bề của hiện tượng đô thị hóa, của văn minh hiện đại trọng lợi hơn người trên thế giới thử hỏi Phật giáo có còn khả năng cứu độ, đi thẳng vào lòng người nữa không? Nam Bộ với các đặc thù của một địa phương hạn hẹp có thể vin vào Phật giáo để đi vào một thế giới tín ngưỡng đại đồng vũ trụ, hay lại vì sức mạnh của cá tính mình mà lôi Phật giáo vào hàng một tín ngưỡng nặng địa phương tính, chỉ có sức mạnh cho một cộng đồng nhất định, trong một không gian nhỏ bé?

### III- HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tín ngưỡng của Việt Nam nói chung thấm nhuần tính dân gian. Riêng Nam

Bộ, độ thấm ấy càng cao vì con người nơi đây phải vật lộn với một môi trường khắc khe, phải bó tay trước bao nhiêu bạo lực, niềm tin cuối cùng của họ chỉ còn trông nhờ vào lòng từ bi vô lượng của đấng Vô Thượng, hoặc vào những quyền lực thần bí vượt khả năng của con người trần thế. Đến lập nghiệp ở nơi xa lạ, họ nuôi nấng nhiều với ông bà cha mẹ, với những anh hùng liệt sĩ mà khí thiêng vẫn còn phảng phất dù đã qua đời. Các nhân vật của thế giới vô hình này, trong lòng dân gian đều núp bóng từ bi, nương cửa Phật, sẵn sàng theo Phật tế độ chúng sinh.

#### A. Hướng tiếp cận dân gian, nhập thế, cứu khổ cứu nước

Vì các lí do nêu trên, đạo Phật tại đây, sau một thời kì suy thoái đã được chấn hưng từ những năm sau 1920<sup>(12)</sup> theo hai chiều hướng chính:

- 1/ Gần gũi thân thương, giác ngộ tâm linh, trau dồi nhân đức, ân cần giúp đỡ trong những nhu cầu tối thiểu hằng ngày.
- 2/ Đậm đà tinh thần yêu nước.

Nhiều tổ chức, nhiều hội được ra đời như Thiên Thai Thiên giáo tông liên hữu hội (1935, Bà Rịa) với tờ *Bát Nhã Âm* làm tạp chí phổ thông; Thiên Thai giáo quán tông, Pháp Hoa tông (1936)...; hội Kiêm tế (1936, Rạch Giá) với nhiệm vụ vừa hoạt động Phật học vừa kinh bang tế thế. Cơ quan truyền bá của hội là tạp chí *Tiến hóa* chủ trương chú trọng nhiều về hành động, canh tân, đến độ đòi hủy bỏ truyền thống “đầu tròn áo vuông”; Thiên Tịnh đạo tràng (1948), và còn nhiều tổ chức

12. Xem thêm: Trần Hồng Liên. *Phật giáo Nam Bộ từ thế kỉ XVII đến 1975*, Tp. Hồ Chí Minh, 1996 và *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ-Việt Nam*, Tp. Hồ Chí Minh, 1995.

thiên về nghiên cứu giáo lí hay ngược lại trọng về khía cạnh phước thiện, hoặc có ít nhiều mâu sắc chính trị đấu tranh khác...

Tuy nhiên để có thể suy luận sâu thêm một ít, xin dừng lại ở Phật giáo Hòa Hảo. Giáo phái này được chính thức thành lập ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão (1939). Giáo chủ là Huỳnh Phú Sổ (1919-1947) sinh quán làng Hòa Hảo quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc trước, nay là xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Vào năm 1975, tín đồ của đạo có khoảng 3.000.000 người<sup>(13)</sup>, và riêng tỉnh An Giang vào cuối những năm 1980 có hơn 1 triệu tín đồ, chiếm 85,4% dân số toàn tỉnh<sup>(14)</sup>. Ra đời trong lúc lịch sử thế giới biến động, thế chiến thứ hai vừa nhen nhúm, và cục diện chính trị Á Châu đang chuyển hướng. Phật giáo Hòa Hảo, đặt vào dòng lịch sử tôn giáo và tư tưởng Việt Nam nói riêng, và lịch sử Việt Nam nói chung, là một thí dụ sinh động của đời sống tinh thần trong một vùng ở một thời điểm nhất định. Nếu về sau Hòa Hảo có đi sâu vào đời sống trên bình diện tham gia chính trị hoặc đấu tranh vũ trang, thì phân xét lí do, hay luận đúng sai của các sự việc ấy không nằm trong khuôn khổ của bài viết này, và cũng ra ngoài khả năng của tác giả.

Vì địa bàn hoạt động cùng trên một vùng địa lí (vùng Thất Sơn), vì có nhiều điểm trùng hợp trên bình diện giáo lí và hành tung của các vị được tín đồ tôn làm giáo chủ, hoạt Phật, xuất hiện để cứu thế độ dân (viết kinh giảng, cứu bệnh mầu nhiệm không cần thuốc), dựng cờ cứu nước, nên có nhiều thuyết gắn liền Hòa Hảo với các giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương do Đoàn Minh Huyền sáng lập (truyền

đạo từ 1849-1856), Tứ Ân Hiếu Nghĩa của Ngô Văn Lợi (truyền đạo từ 1879-1890). Tín đồ “Bửu Sơn Kỳ Hương” còn tin là Đức Phật Thầy Tây An (Đoàn Minh Huyền) đã bốn lần tái sinh chuyển kiếp: Đức Phật Trùm ở núi Tà Lơn (truyền đạo từ 1879-1890); Đức Bổn sư Ngô Văn Lợi ở núi Tượng; Sư Vãi Bán Khoai ở biên giới Miên-Việt; Đức Huỳnh Giáo chủ, người khai sáng đạo Hòa Hảo ở làng Hòa Hảo<sup>(15)</sup>.

Nếu thừa nhận tiền thân của Hòa Hảo ở Bửu Sơn Kỳ Hương và ở Tứ Ân Hiếu Nghĩa thì những truyền thống hòa hợp nhiều tín ngưỡng, đơn giản hóa nghi thức, không thờ tượng cốt chỉ thờ trần dà (Bửu Sơn Kỳ Hương thờ trần điều - vãi đỏ, khác màu dà nâu đậm ở đây) “tuỳ cơ hoá độ”, không nặng về hình nhi thượng. Dựa trên căn bản Tứ Ân: ân cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo, ân đồng bào nhân loại, đạo này đã cho người dân miền Tây nửa đầu thế kỉ XX một thích ứng đầy đủ mọi mặt với nhu cầu tâm linh của họ. Bốn trọng ân này nguyên là khái niệm “Tứ Ân” của Phật giáo: ân phụ mẫu, ân quốc vương, ân tam bảo, ân chúng sinh, đã được cụ thể hóa, Việt hóa, và còn có thể nói gần gũi hóa với quần chúng bằng cách đặt ân đất nước và ân cha mẹ ở hàng đầu.

Tín đồ ngày nay vẫn dựa vào pháp môn “tu nhân học Phật”. Các bộ kinh *Giác Mê* của Phật Thầy Tây An, *Sám giảng người đời* của Sư Vãi Bán Khoai, *Sám giảng thi văn toàn tập* của Huỳnh Giáo chủ vẫn còn được tín đồ nghiên

13. Theo: *Etude Vietnamiennne*. Le delta Mekong, numero spécial, (1984).

14. Theo: Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường. *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb. KHXH, Tp. HCM, 1990, tr. 380.

15. Theo: Vương Kim và Đào Hưng. *Đức Phật Thầy Tây An*, Long Hoa, Saigon 1953.

ngắm. Phật là ngọn đuốc dẫn đường.

### **B. Hưởng làm chặt chẽ, thân thương, gắn gũi gia đình Phật tử và nghiên cứu phổ thông kinh điển**

Một trong những mục đích chính của phong trào Chấn hưng Phật giáo là nhằm tạo điều kiện cho “chư sơn thiên đức đoàn kết lại để chinh đốn tăng già, kiến lập Phật học đường, diễn dịch, xuất bản kinh sách Việt ngữ”. Đó là mục đích của tổ chức Lục Hòa Liên xã ra đời năm 1920<sup>(16)</sup>.

Nhiều hội đoàn, sách báo ra đời:

- Hội Phật học Việt Nam (1950).
- Ni giới Nam Bộ (1927), với trường Ni đầu tiên của Nam Bộ.

Đoàn thể Phật Tử (Gia đình Phật tử, Thanh niên Phật tử, Học sinh, sinh viên Phật tử...).

Các sách báo hỗ trợ cho phong trào Chấn hưng và hoàng hoá trong giai đoạn trước 1975 ra đời với tinh thần đổi mới trong Phật giáo như: *Phật hóa tân thanh niên, Phật học tổng yếu, Vô thần luận, Chân lý của Tiểu thừa và Đại thừa* của tăng sĩ Thiện Chiếu (1898-1974); với ý chí nghiên cứu sâu rộng kinh sách, đem kinh sách vào quần chúng như các công trình của những vị Hòa thượng Khánh Hòa, Huệ Quang, Khánh Anh (*Hoa Nghiêm nguyên nhân luận, Tại cư sĩ luật, Duy thức triết học, Khánh Anh văn sao*)... Những tập san *Pháp Âm, Phật Hóa Tân Thanh Niên, Từ Bi Âm, Duy Tâm, Từ Quang, Phật Học*... là những cơ quan ngôn luận đã đem lại sự tranh luận sôi nổi về các vấn đề Phật giáo với những nhận thức mới và những khuynh hướng khác nhau, tuy hầu hết đã bị chính quyền thuộc địa đình bản sau vài số<sup>(17)</sup>.

Một thí dụ về nhiệt tâm đưa đạo đến gần với quần chúng là việc phiên dịch ghi chú bộ kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* do Cư sĩ Đoàn Trung Còn<sup>(18)</sup> thực hiện bằng thể thơ song thất lục bát rất quen thuộc với người dân. Lời văn bình dị, dễ hiểu, ấm áp:

“Chúng tôi mừng rỡ bồn chồn

Cũng như kẻ khó dạ nôn bạc nhiều,

Hôm nay nhờ Phật dất dùi,

Hưởng trâu của lạ trăm chày quý thay”

(Câu 50-54, phẩm “Tín giả” Kinh Pháp Hoa).

### **IV- KẾT LUẬN**

Tôn giáo “sinh ra cùng với xã hội loài người, do con người sáng tạo ra nó, rồi con người lại bị chi phối bởi nó. Tôn giáo còn tồn tại lâu dài” (Đặng Nghiêm Vạn). Tuy nhiên ngày nay, xu thế thế tục hóa ngày càng phổ biến trong nhiều tầng lớp xã hội trên thế giới. Hai xu hướng dường như đối nghịch nhau ở trên có thấy tại Miền Nam không, có chèn lấn nhau không và được thua như thế nào?

Trong những năm gần đây nhu cầu tâm linh của người dân Nam Bộ nổi bật qua nhiều sự kiện được quan sát:

- Việc xây cất trùng tu chùa chiền tại Việt Nam nói chung, và tại Nam Bộ nói riêng có xu hướng gia tăng đáng kể. Tại nhiều quận trong Thành phố Hồ Chí Minh số chùa khang trang, mới được xây

16. Theo: Trần Hồng Liên. *Phật giáo Nam Bộ...*, Sđd, tr. 33.

17. Sđd, tr. 61.

18. Chúng tôi cũng không quên các công trình đóng góp của các bậc Hòa thượng, Cư sĩ khác như Mai Thọ Truyền. *Pháp huyền nghĩa*, 1959; Khánh Anh. *Hoa Nghiêm nguyên nhân luận*, 1952; Thích Thanh Từ. *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải*, 1993; Thích Thiện Châu. *Thiền định và cuộc sống hôm nay*, 1995... cùng nhiều công trình khác của các vị trên hay của nhiều vị khác.

đếm được rất nhiều. Số người đi cúng chùa đông đảo cả nam lẫn nữ, cao tuổi hay còn trong tuổi thanh - tráng niên.

- Những ngày vía hội tại Châu Đốc hay tại Tây Ninh số người hành hương rất đông, mà thành tâm của họ không thể nghi ngờ. Mục đích hành hương có thể có nhiều ý kiến phê phán, nhưng lòng thành ngưỡng mộ là một sự hiển nhiên.

- Sách báo, các bài nghiên cứu, dịch giải kinh tạng nhiều, trường viện ở đủ các cấp sinh hoạt thường xuyên.

- Nhu cầu tôn giáo Việt Nam được thể hiện qua các số liệu do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cung cấp và đăng trên tạp chí *Giác ngộ*, số 10 bộ mới, tr. 23: Việt Nam có khoảng gần 80% dân số có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo qua 6 tôn giáo lớn: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Hồi giáo. Tín đồ Phật giáo có khoảng 10 triệu không kể 2 triệu tín đồ Hòa Hảo và nhiều triệu người Việt tự xem mình có nếp sống hợp với giáo điều Phật dạy.

- Thờ phụng ông bà cha mẹ quá cố là một bổn phận mà đa số người Việt dù giàu hay nghèo đều cố tâm làm tròn. Theo tài liệu điều tra mẫu của Viện Nghiên cứu Tôn giáo năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh, 84,3% người không theo đạo Kitô có thờ phụng tổ tiên (nam: 80,5%, nữ: 88%). Ngày Vu Lan báo hiếu là một ngày lễ lớn trong lòng người Việt. Đô thị hóa mạnh mẽ làm cho nhà ở lên giá, gia cư hẹp đi, nghĩa trang xa xôi, nên việc thờ phụng thường do nhà chùa lo liệu. Tro hài cốt, di ảnh người thân nương của Phật. Ngôi chùa đi vào lòng mọi người như thế mỗi lúc mỗi đậm đà thêm lên.

Cá tính Nam Bộ của Phật giáo có được trọn vẹn trên đà tiến hóa vô biên hiện

nay không? Lòng yêu nước, giữ nước của một vùng đất mới trong quá trình lịch sử cận đại đã gắn liền Phật và đời trong đa số quần chúng. Tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, “tạc dạ ghi ơn” là một nét sâu đậm của bản thể cá nhân, vì vậy những ảnh hưởng ngoại nhập khó làm mất đi cái căn bản và địa phương tính.

Phật tử Nam Bộ của thế kỉ XXI có bị “đóng khung” trong một vùng địa lí hẹp hòi chăng? Làm sao có thể được khi mà giáo lí nhà Phật là một giáo lí đại đồng. Tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Mọi người trong “mười loài” (thập loại chúng sinh) sớm muộn gì rồi cũng được trở về “quê”, về “nhà”, về lòng Phật nhiệm mầu.

Một thách thức cuối cùng là: sự đơn giản hóa, cụ thể hóa trong quá khứ gần đây có thể trì kéo Phật giáo Nam Việt đi xa với những thách thức cao siêu, với những vấn đề tâm linh, hình nhi thượng không? Thiết tưởng đặt vấn đề này chỉ là một thách thức trí thức thôi. Con đường đi đến giải đáp cao siêu về thân phận con người, về ý nghĩa cuộc đời, sống chết về đâu là con đường muôn nẻo mà lí luận uyên thâm chỉ là một thôi. Hành hay luận, nếu không có “lòng thành” thì còn thiếu một cái gì đó căn bản vậy. Nam Bộ là nơi chung sống của nhiều cộng đồng trong đó cộng đồng người Khmer theo Phật giáo Nam tông chiếm một vị trí quan trọng. Số chùa Khmer ở bốn tỉnh đồng bằng sông Cửu Long năm 1994 không nhỏ (Vĩnh Long 12; Cần Thơ: 24; Sóc Trăng 89; Trà Vinh: 142)<sup>19</sup>. Như vậy, các nẻo đường lại càng nhiều, làm sao trả lời đơn giản được./

19. Không quên Phật giáo Bắc Tông của người Hoa. Nhưng chiều hướng hội nhập Việt hóa được quan sát ở nhiều nơi. Xem: Trần Hồng Liên. *Phật giáo Nam Bộ...* Sđd, tr. 99-107 và 115.